TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦN GIỜ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 90/2018/QĐST-HNGĐ	*Cần Giờ, ngày 03 tháng 7 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 68/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trần Hồng T, sinh năm: 1979

Địa chỉ thường trú: Số 114/3 khu phố M, thị trấn c, huyện G, Thành phố H.

Tạm trú: Tổ 8, khu phố A, thị trấn C, huyện G, Thành phố H.

- Bị đơn: Ông Lê Văn S, sinh năm: 1969

Địa chỉ thường trú: Số 114/3 khu phố M, thị trấn c, huyện G, Thành phố H.

Tạm trú: Tổ 8, khu phố A, thị trấn C, huyện G, Thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyên ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Hồng T và ông Lê Văn S. Theo giấy chứng nhận kết hôn số 121, quyển số 02/2001, đăng ký ngày 15/11/2001 tại Ủy ban nhân dân xã C (nay là thị trấn C), huyện G, Thành phố H.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Hồng T và ông Lê Văn S cùng thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung là Lê Trần Ngọc T1 – sinh ngày 01/6/2003 và Lê Trần Ngọc T2 – sinh ngày 26/10/2006. Giao cháu T1 và T2 cho bà Trần Hồng T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, ghi nhận sự tự nguyện của bà T

về việc không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con

+ Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

+ Vì quyền lợi của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự trình bày không có.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

+ Bà Trần Hồng T phải nộp 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: AG/2011/05877 ngày 05/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Hồng T được nhận lại 225.000đ (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

+ Ông Lê Văn S phải nộp 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. G;
- UBND TT. C;
- Chi cục THADS H. G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Huỳnh Thạch Vũ